TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1155/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 31/10/2025
V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Tứ Nhị

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Nhàn

2. Bà Châu Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tú – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 7 tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 7, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 558/2025/TLST-HNGĐ ngày 01/10/2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3574/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thái H
Căn cước công dân số 080198002416
Địa chỉ: thành phố Tân An, Long An
(Nay là phường Long An, tỉnh Tây Ninh)
Cư trú: phường An Phú Đông, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Phạm Đỗ Chí T
Căn cước công dân số 070097001500
Địa chỉ: Hớn Quản, Bình Phước
Cư trú: phường An Phú Đông, thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn là bà Huỳnh Thái H và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện:

Bà Huỳnh Thái H và ông Phạm Đỗ Chí T yêu thương, chung sống tự nguyện có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 42/2022, đăng ký ngày 04/07/2022, do Ủy ban nhân dân xã U, thành phố Tân An, tỉnh Long An cấp. Thời gian đầu chung sống cả hai yêu thương nhau nên rất hạnh phúc. Từ năm 2024 phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không còn tiếng nói chung dẫn đến sống ly thân mỗi người mỗi nơi. Cả hai đều đã cố gắng hàn gắn, dung hòa nhưng không có kết quả tốt đẹp. Hiện nay tình cảm vợ chồng dành cho ông T không còn nên bà H yêu cầu được ly hôn để ổn định cuộc sống riêng. Cả hai chung sống có một con chung tên là Phạm Huỳnh Khánh L, sinh ngày 30/12/2022 hiện đang do bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng. Tài sản chung, nợ chung không có.

Tại bản tự khai và biên bản ghi nhận ý kiến, bị đơn là ông Phạm Đỗ Chí T trình bày:

Ông T thừa nhận vợ chồng chung sống tự nguyện có đăng ký kết hôn như bà H trình bày. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không còn hòa hợp và sống ly thân gần một năm nay. Hàng ngày, ngoài công việc thì ông T phụ bà H đưa đón con đi học mặc dù cả hai không còn chung sống với nhau. Ông T không mong muốn ly hôn. Trường hợp bà H cương quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án xét xử theo quy định. Ông T đồng thời đề nghị Tòa án không tiến hành phiên hòa giải do ông bận đi làm và do giữa ông và bà H không thể ngồi lại nói chuyện với nhau được nữa. Ông T đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông tại phiên tòa xét xử các cấp. Ông T đồng ý giao một con chung tên Phạm Huỳnh Khánh L, sinh ngày 30/12/2022 cho bà H nuôi dưỡng; Ông T đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng. Tài sản chung, nợ chung không có.

Do bị đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành phiên hòa giải được theo quy định.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng; Đảm bảo thời hạn xét xử, gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7, thành phố Hồ Chí Minh nghiên cứu đúng quy định tại Điều 203, khoản 2 Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Về người tham gia tố tụng: Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 nhận thấy có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí: Nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Bị đơn cư trú tại phường An Phú Đông, thành phố Hồ Chí Minh; Nguyên đơn gửi đơn ly hôn đến Toà án nhân dân Khu vực 7 là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các đương sự thương yêu, tìm hiểu và tự nguyện sống chung có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 42/2022, đăng ký ngày 04/07/2022, do Ủy ban nhân dân xã U, thành phố Tân An, tỉnh Long An cấp; Nay có yêu cầu ly hôn, xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân và gia đình.

1.2 Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn và bị đơn đều đề nghị xét xử vắng phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Xét yêu cầu của đương sự:*

2.1. Về tình cảm vợ chồng:

Nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng dành cho bị đơn không còn nên yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống của mình. Bị đơn không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình là phải xây dựng trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng; Các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng dành cho bị đơn không còn. Cả hai đã sống ly thân mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm lo lắng cho nhau từ năm 2024 đến nay là một thời gian dài. Việc nguyên đơn cương quyết ly hôn đã thể hiện sự tự nguyện xây dựng hôn nhân và gia đình không còn nữa. Bị đơn không mong muốn ly hôn nhưng không tham dự phiên hòa giải, không đưa ra được giải pháp cụ thể nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, hàn gắn gia đình. Điều này cho thấy đời sống vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau. Cuộc sống hôn nhân của các đương sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm

trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên ly hôn là giải pháp tốt nhất để cả hai tự ổn định cuộc sống riêng của mình. Vì vậy, xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2. Về con chung: Có một con chung tên là Phạm Huỳnh Khánh L, sinh ngày 30/12/2022 hiện đang do nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyên đơn đề nghị tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng. Bị đơn đồng ý theo đề nghị của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy sự thống nhất về con chung của các đương sự thể hiện sự tôn trọng quyền lợi đối với trẻ em, phù hợp quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 và 110 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có, nên không xem xét.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] *Quyền kháng cáo:* Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[5] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 4 Điều 91; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, 7, 9 và 30 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thái H được ly hôn ông Phạm Đỗ Chí T. Giấy chứng nhận kết hôn số 42/2022, đăng ký ngày 04/07/2022, do Ủy ban nhân dân xã U, thành phố Tân An, tỉnh Long An cấp không còn hiệu lực.

2/ Về con chung: Giao bà Huỳnh Thái H quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng một con chung tên Phạm Huỳnh Khánh L, sinh ngày 30/12/2022 cho đến khi trưởng thành.

Ông Phạm Đỗ Chí T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người không trực tiếp nuôi con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Ông Phạm Đỗ Chí T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng một tháng). Bắt đầu thực hiện kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trẻ Phạm Huỳnh Khánh L, sinh ngày 30/12/2022 đủ 18 tuổi. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có.

4/ Về án phí:

- Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) do bà Huỳnh Thái H chịu, nhưng được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) bà H đã tạm nộp án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021894 ngày 01/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, bà Huỳnh Thái H đã nộp đủ án phí.

- Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) ông Phạm Đỗ Chí T phải chịu.

5/ Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

6/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- THADS TPHCM;
- VKSND KV7;
- Nơi cấp GCNKH;
- Đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lê Tứ Nhị